



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07115/2025/PKQ (3868.01W2507.0731)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_1E Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số (a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi (a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	<1	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	7,52	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,51	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0731: KS_1E Lê Đức Thọ
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07114/2025/PKQ (3868.01W2507.0730)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS 1A Ngã Tư Đường Vườn Cam - Lê Quang Đạo
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,37	trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,57	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,64	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0730: KS_1A Ngã Tư Đường Vườn Cam - Lê Quang Đạo
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN


Phạm Hải Long

QA/QC


Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG




Nguyễn Quang Ninh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
VILAS 366

Số: 07109/2025/PKQ (3868.01W2507.0725)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tầng 1 nhà N03 (5B) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,45	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0725: Tầng 1 nhà N03 (5B) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07108/2025/PKQ (3868.01W2507.0724)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể mái nhà N03 (5B) Ngõ 5 Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,38	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,33	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,64	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0724: Bể mái nhà N03 (5B) Ngõ 5 Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07107/2025/PKQ (3868.01W2507.0723)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Địa điểm lấy mẫu/quan trắc

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian lấy mẫu

Thời gian thử nghiệm

: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Bề ngang nhà N03 (5B) Ngõ 5 Lê Đức Thọ
: Nước sạch
chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
: chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
: 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,51	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,39	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0723: Bể ngầm nhà N03 (5B) Ngõ 5 Lê Đức Thọ
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 07106/2025/PKQ (3868.01W2507.0722)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tầng 1 nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Tình trạng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 08/07/2025
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,39	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,51	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0722: Tầng 1 nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07105/2025/PKQ (3868.01W2507.0721)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm	: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ	: Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc	: Bể mái nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu	: Nước sạch
Tình trạng mẫu	: chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu	: chai PE 0,5L hãm H ₂ SO ₄ , bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu	: chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm	: 01
	: 08/07/2025
	: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số (a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> (a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi (a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As)(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,34	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,51	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>)(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0721: Bể mái nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07104/2025/PKQ (3868.01W2507.0720)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể ngầm nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số (a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,37	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,34	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,64	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0720: Bể ngầm nhà N02 (5A) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07103/2025/PKQ (3868.01W2507.0719)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tầng 1 nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,43	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,31	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0719: Tầng 1 nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07102/2025/PKQ (3868.01W2507.0718)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể mái nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0718: Bể mái nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07101/2025/PKQ (3868.01W2507.0717)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể ngầm nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,44	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,37	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,64	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0717: Bể ngầm nhà N01 (7A) Đường Lê Đức Thọ
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phạm Hải Long

Trần Văn Cường



Nguyễn Quang Ninh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07100/2025/PKQ (3868.01W2507.0716)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tầng 1 nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,42	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0716: Tầng 1 nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07099/2025/PKQ (3868.01W2507.0715)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể mái nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,49	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,46	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0715: Bể mái nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

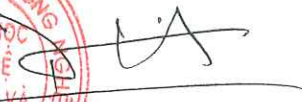
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG


Phạm Hải Long


Trần Văn Cường


Nguyễn Quang Ninh





VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07098/2025/PKQ (3868.01W2507.0714)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể ngầm nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E.Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0008	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,46	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,51	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0714: Bể ngầm nhà NOCT 34 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07097/2025/PKQ (3868.01W2507.0713)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tầng 1 nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2025
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số (a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,51	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0713: Tầng 1 nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07096/2025/PKQ (3868.01W2507.0712)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể mái nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,48	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,4	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,64	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3791 1654

Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- 01W2507.0712: Bể mái nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07095/2025/PKQ (3868.01W2507.0711)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường
Yên Hòa, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Bể ngầm nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : chai PE 1,0L không hãm, bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : chai PE 0,5L hãm H₂SO₄, bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : chai thủy tinh 0,35L, bảo quản lạnh
Thời gian thử nghiệm : 01
: 08/07/2025
: 08/07/2025 - 18/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
2.	<i>E. Coli</i> ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
4.	Mùi ^(a,c)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	pH ^(a,c)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
7.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
8.	Clo dư tự do ^(a,c)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0
9.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,58	2
10.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
11.	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>) ^(a)	CFU/100mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266: 2006)	KPH	< 1
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(a)	CFU/100mL	SMEWW 9213B: 2023	KPH	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- 01W2507.0711: Bể ngầm nhà NOCT 12 Ngõ 44 Phố Nguyễn Cơ Thạch
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (c): Thông số được đo tại hiện trường.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.